

Số: 16/97/QĐ-HVCTQG

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục các chuyên ngành đúng, phù hợp và các chuyên ngành gần với chuyên ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 224-QĐ/TW ngày 06-01-2014 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 48/2014/NĐ-CP ngày 19-5-2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15-5-2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 999/QĐ-HVCT-HCQG ngày 08-5-2012 của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các chuyên ngành đúng, phù hợp và các chuyên ngành gần với chuyên ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với Danh mục này được bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *A*

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Học viện;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ QLĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Trương Thị Thông*  
**Trương Thị Thông**



## DANH MỤC

### Các chuyên ngành đúng, phù hợp và chuyên ngành gần trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1697./QĐ-HVCTQG, ngày 6./9./2016  
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>1. Chuyên ngành Triết học (Mã số: 60 22 03 01)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Triết học; Giáo dục chính trị (chuyên ban Triết học); Sư phạm Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học...	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm “Nhân văn khác”, gồm: Lịch sử (các chuyên ngành); Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Tôn giáo học; Khảo cổ học;...</li> <li>- Giáo dục chính trị; Giáo dục công dân; Chính trị học (Chuyên ngành Công tác tôn giáo); Quản lý xã hội; Xây dựng quân đội về chính trị; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Ngữ văn; Việt Nam học; Đông phương học; Châu Á học; Nhân học;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử tư tưởng Việt Nam (30 tiết)</li> <li>2. Lịch sử triết học trước Mác (30 tiết)</li> <li>3. Lịch sử triết học phương Tây hiện đại (30 tiết)</li> <li>4. Lịch sử triết học phương Đông (30 tiết)</li> <li>5. Lịch sử triết học phương Tây (30 tiết)</li> </ol>
<b>2. Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học (Mã số: 60 22 03 08)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Triết học; Sư phạm Triết học; Giáo dục chính trị (chuyên ban Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học); Sư phạm Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm “Nhân văn khác”, gồm: Lịch sử (các chuyên ngành); Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Tôn giáo học; Khảo cổ học;...</li> <li>- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Ngữ văn; Giáo dục chính trị; Giáo dục công dân; Chính trị học; Cử nhân chính trị; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quản lý nhà nước; Hành chính công; Quan hệ quốc tế; Xây dựng quân đội về chính trị; Xã hội học; Dân tộc học; Phụ nữ học; Giới và phát triển;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Chủ nghĩa xã hội khoa học (30 tiết)</li> <li>2. Lịch sử tư tưởng Xã hội chủ nghĩa (45 tiết)</li> <li>3. Lý luận Chủ nghĩa xã hội khoa học (45 tiết)</li> <li>4. Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (30 tiết)</li> <li>5. Kinh điển Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học (45 tiết)</li> </ol>





Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>3. Chuyên ngành Tôn giáo học (Mã số: 60 22 03 09)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Tôn giáo học; Chính trị học (chuyên ngành Công tác Tôn giáo, Công tác dân vận); Triết học; Sư phạm Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sư phạm Chủ nghĩa xã hội khoa học; Giáo dục chính trị (chuyên ban Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học).	Không
Chuyên ngành gần	<p>- Các chuyên ngành thuộc nhóm “Nhân văn khác”, gồm: Lịch sử (các chuyên ngành); Ngôn ngữ học; Văn học; Sư phạm Ngữ văn; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Khảo cổ học;...</p> <p>- Dân tộc học; Xã hội học; Tâm lý học; Đông Phương học; Quốc tế học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Giáo dục chính trị; Quản lý nhà nước; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Quản lý xã hội; Quản lý hành chính; Công tác xã hội; Hành chính công;...</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tôn giáo học đại cương (30 tiết)</li> <li>2. Lịch sử tôn giáo (30 tiết)</li> <li>3. Tôn giáo trên thế giới và đặc điểm tôn giáo Việt Nam (30 tiết)</li> <li>4. Chủ nghĩa Mác-Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo (45 tiết)</li> <li>5. Tín ngưỡng dân gian ở VN (30 tiết)</li> </ol>
Chuyên ngành khác	Các ngành khác (kèm theo bằng cao cấp lý luận chính trị và ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự thi).	<p>Ngoài các học phần bổ sung như đối với nhóm chuyên ngành gần, học thêm từ 2 đến 4 học phần trong số các học phần sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hiện tượng tôn giáo mới (30 tiết).</li> <li>2. Quản lý nhà nước đối với tôn giáo (30 tiết).</li> <li>3. Công tác đối ngoại tôn giáo và tôn giáo trong chiến lược diễn biến hòa bình (30 tiết)</li> <li>4. Gia đình Phật tử, Hội đoàn và dòng tu Công giáo (30 tiết)</li> </ol>





Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>4. Chuyên ngành Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc (Mã số: 60 22 03 12)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc.	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm “Nhân văn khác”, gồm: Triết học; Lịch sử (các chuyên ngành); Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Khảo cổ học;...</li> <li>- Quan hệ quốc tế; Quốc tế học; Chính trị học; Giáo dục chính trị; Cử nhân chính trị; các chuyên ngành thuộc nhóm “Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài”;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân từ khởi đầu đến 1991 (45 tiết).</li> <li>2. Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân từ 1991 đến nay (45 tiết).</li> <li>3. Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc (45 tiết).</li> <li>4. Trào lưu xã hội dân chủ và cánh tả thế giới (45 tiết).</li> <li>5. Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam (45 tiết).</li> </ol>
<b>5. Chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Mã số: 60 22 03 15)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử (các chuyên ngành); Sử - chính trị.	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm “Nhân văn khác”, gồm: Triết học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Khảo cổ học;...</li> <li>- Giáo dục chính trị; Giáo dục công dân; Sư phạm Triết học; Sư phạm Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sư phạm Ngữ văn; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Chính trị học; Quốc tế học; Phương Đông học; Công tác tư tưởng; Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam; Hồ Chí Minh học; Việt Nam học;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (60 tiết).</li> <li>2. Lịch sử Việt Nam (60 tiết).</li> <li>3. Phương pháp luận sử học (60 tiết).</li> </ol>





Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>6. Chuyên ngành Kinh tế chính trị (Mã số: 60 31 01 02)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Kinh tế chính trị; Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị); Sư phạm Kinh tế chính trị;...	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành kinh tế khác;</li> <li>- Cử nhân chính trị; Giáo dục chính trị; Quản lý nhà nước; Hành chính công; Chính sách công; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính – ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Thống kê kinh tế xã hội;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tác phẩm kinh điển Mác - Lênin về Chủ nghĩa tư bản (30 tiết).</li> <li>2. Tác phẩm kinh điển Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (30 tiết).</li> <li>3. Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh (30 tiết).</li> <li>4. Nguyên lý kinh tế chính trị học Mác-xít (30 tiết).</li> <li>5. Những vấn đề kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (30 tiết).</li> </ol>
<b>7. Chuyên ngành Kinh tế phát triển (Mã số: 60 31 01 05)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Kinh tế phát triển	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành Kinh tế khác;</li> <li>- Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính – ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Thống kê kinh tế xã hội; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế vi mô (45 tiết).</li> <li>2. Kinh tế vĩ mô (45 tiết).</li> <li>3. Kinh tế phát triển (45 tiết).</li> <li>4. Kinh tế công cộng (45 tiết).</li> <li>5. Kinh tế chính trị (45 tiết).</li> </ol>
<b>8. Chuyên ngành Chính trị học (Mã số: 60 31 02 01)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Chính trị học; Giáo dục chính trị; Cử nhân chính trị.	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”, gồm: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế;...</li> <li>- Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Hành chính công; Quản lý công; Chính sách công; Giáo dục công dân; Quản lý nhà nước; Quản lý xã hội; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Công tác tư tưởng, Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Luật”; Xã hội học...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử tư tưởng chính trị (45 tiết).</li> <li>2. Chính trị học đại cương (45 tiết).</li> <li>3. Thể chế chính trị thế giới đương đại (45 tiết).</li> <li>4. Chính trị học Việt Nam (45 tiết).</li> </ol>



Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>9. Chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước (Mã số: 60 31 02 03)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Cử nhân chính trị (chuyên ngành Công tác tổ chức, Công tác kiểm tra, Công tác dân vận);...	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”, gồm: Chính trị học; Hồ Chí Minh học; Quan hệ quốc tế; Quản lý nhà nước...</li> <li>- Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Giáo dục chính trị; Chính trị học (chuyên ngành Công tác Tôn giáo); Hành chính công; Chính sách công; Quản lý xã hội; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Công tác tư tưởng;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng (45 tiết).</li> <li>2. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức (30 tiết).</li> <li>3. Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội (30 tiết).</li> <li>4. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (30 tiết).</li> <li>5. Lý luận chung về quản lý nhà nước (30 tiết).</li> </ol>
Chuyên ngành khác	Các ngành khác (kèm theo bằng cao cấp lý luận chính trị và ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự thi).	<p>Ngoài các học phần bổ sung như đối với nhóm chuyên ngành gần, học thêm từ 2 đến 4 học phần trong số các học phần sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Xây dựng Đảng (30 tiết).</li> <li>2. Công tác dân vận của Đảng (30 tiết).</li> <li>3. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng (30 tiết)</li> <li>4. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ (30 tiết)</li> </ol>
<b>10. Chuyên ngành Hồ Chí Minh học (Mã số: 60 31 02 04)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Hồ Chí Minh học; Các chuyên ngành Khoa học xã hội - nhân văn khác (kèm theo chứng chỉ lớp Đào tạo giảng viên tư tưởng Hồ Chí Minh)	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”, gồm: Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế;...</li> <li>- Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các tác phẩm chủ yếu của Hồ Chí Minh (45 tiết).</li> <li>2. Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (30 tiết).</li> <li>3. Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh (30 tiết).</li> <li>4. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh (30 tiết).</li> <li>5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế, văn hoá, và phát triển xã hội (45 tiết).</li> </ol>



Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>11. Chuyên ngành Quan hệ quốc tế (Mã số: 60 31 02 06)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	- Quan hệ quốc tế; Thông tin đối ngoại; Quốc tế học; Đông phương học; Đông Nam Á học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Khu vực Thái Bình Dương học;...	Không
Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”, gồm: Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Hồ Chí Minh học, Quản lý nhà nước;... - Lịch sử thế giới; nhóm ngành Công tác tư tưởng, Truyền thông quốc tế; Báo chí (có định hướng chuyên sâu về tuyên truyền đối ngoại, thông tin đối ngoại); nhóm ngành Kinh tế (có định hướng chuyên sâu về kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế); nhóm ngành Luật (có định hướng chuyên sâu về Luật quốc tế); các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành “Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài”;....	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý thuyết Quan hệ quốc tế (45 tiết)</li> <li>2. Lịch sử Quan hệ quốc tế (45 tiết)</li> <li>3. Lịch sử Ngoại giao Việt Nam hiện đại (45 tiết)</li> <li>4. Địa – chính trị thế giới (45 tiết)</li> </ol>
<b>12. Chuyên ngành Xã hội học (Mã số: 60 31 03 01)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Xã hội học	Không
Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Xã hội học và Nhân học”, gồm: Nhân học; Dân tộc học;... - Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Chính trị học; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Văn hóa học; Y tế công cộng; Quản lý giáo dục; Hành chính công; Quản lý hành chính công; Quản lý xã hội; Quản lý nhà nước; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Việt Nam học; Quốc tế học; Đông phương học; Đông Nam Á học; Khu vực Thái Bình Dương học; Y tế công cộng; Sử học; Quan hệ công chúng; Chính sách công;...	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xã hội học đại cương (45 tiết).</li> <li>2. Lịch sử Xã hội học (45 tiết).</li> <li>3. Lý thuyết Xã hội học (45 tiết).</li> <li>4. Phương pháp nghiên cứu xã hội học (45 tiết).</li> </ol>



Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>13. Chuyên ngành Văn hóa học (Mã số: 60 31 06 40)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Các chuyên ngành của đại học Văn hóa; Lịch sử; Triết học; Ngữ văn; Lý luận nghệ thuật; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam;...	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Khu vực học và văn hóa học”, gồm: Châu Á học; Đông phương học; Việt Nam học; Quản lý thể dục thể thao;...</li> <li>- Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Du lịch học; Báo chí; Xuất bản; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Lý luận và phê bình sân khấu; Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình; Lý luận, phê bình múa; Lịch sử và lý luận âm nhạc; Sáng tác; Viết văn; các chuyên ngành thuộc nhóm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; các chuyên ngành thuộc nhóm ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn hóa học đại cương (45 tiết)</li> <li>2. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong văn hóa học (30 tiết)</li> <li>3. Văn hóa đô thị (30 tiết)</li> <li>4. Văn hoá nông thôn Việt Nam (45 tiết)</li> </ol>
<b>14. Chuyên ngành Chính sách công (Mã số: 60 34 04 02)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Chính sách công	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Quản trị - Quản lý”, gồm: Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý kinh tế; Quản trị văn phòng; Quản lý công; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;...</li> <li>- Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính – ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Chính trị học; Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Xã hội học;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học quản lý (45 tiết)</li> <li>2. Kinh tế phát triển (45 tiết)</li> <li>3. Nhập môn Chính sách công (30 tiết)</li> <li>4. Nhập môn Lãnh đạo học (30 tiết)</li> </ol>
Chuyên ngành khác	Các ngành khác (kèm theo ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự thi).	<p>Ngoài các học phần bổ sung như đối với nhóm chuyên ngành gần, học thêm 02 học phần sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế vĩ mô (30 tiết)</li> <li>2. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý (30 tiết)</li> </ol>



Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>15. Chuyên ngành Quản lý kinh tế (Mã số: 60 34 04 10)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Quản lý kinh tế	Không
Chuyên ngành gần	<p>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “Quản trị - Quản lý”, gồm: Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Chính sách công; Quản lý công; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;...</p> <p>- Các chuyên ngành kinh tế khác; Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Quản lý nhà nước; Thị trường chứng khoán; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Thống kê kinh tế xã hội;...</p>	<p>Chọn 5 học phần trong số các học phần sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học quản lý (45 tiết).</li> <li>2. Tâm lý học quản lý (45 tiết).</li> <li>3. Quản lý nhà nước về kinh tế (45 tiết).</li> <li>4. Quản trị kinh doanh (45 tiết).</li> <li>5. Kinh tế chính trị (45 tiết).</li> <li>6. Chính sách kinh tế (45 tiết).</li> <li>7. Phân tích kinh tế (45 tiết).</li> <li>8. Quản lý chiến lược (45 tiết).</li> </ol>
Chuyên ngành khác	Các ngành khác (kèm theo ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự thi).	<p>Ngoài các học phần bổ sung như đối với nhóm chuyên ngành gần, học thêm từ 2 đến 4 học phần trong số các học phần sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế lượng cơ bản (30 tiết).</li> <li>2. Kinh tế phát triển (30 tiết).</li> <li>3. Kinh tế học quản lý (30 tiết)</li> <li>4. Quản trị học (30 tiết)</li> </ol>



Nhóm đối tượng dự thi	Tên chuyên ngành	Các học phần bổ sung
<b>16. Chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật (Mã số: 60 38 01 01)</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	Các chuyên ngành Luật	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội”, gồm: Điều tra trình sát; Điều tra hình sự; Kỹ thuật hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân; Tham mưu, chỉ huy vũ trang bảo vệ an ninh trật tự; Tình báo an ninh...</li> <li>- Cảnh sát; Kiểm sát; Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Hành chính học; Chính sách công; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới (45 tiết).</li> <li>2. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (45 tiết).</li> <li>3. Các học thuyết về nhà nước và pháp luật (30 tiết).</li> <li>4. Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (30 tiết).</li> </ol>
<b>17. Chuyên ngành Pháp luật về Quyền con người</b>		
Chuyên ngành đúng hoặc phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành Luật.</li> <li>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội”, gồm: Điều tra trình sát; Điều tra hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân; Tham mưu, chỉ huy vũ trang bảo vệ an ninh trật tự; Tình báo an ninh;...</li> <li>- Cảnh sát; Kiểm sát; Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm;...</li> </ul>	Không
Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính trị học; Quan hệ quốc tế; Triết học; Quản lý xã hội; Hành chính học; Xã hội học; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Chính sách công; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Báo chí; Văn hóa học; Dân tộc học; Nhân học; Giáo dục chính trị; Giáo dục công dân; Cử nhân chính trị; Quản lý giáo dục; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Hồ Chí Minh học; Quản lý công; Lịch sử; Tôn giáo học;...</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật (30 tiết)</li> <li>2. Luật hiến pháp (30 tiết)</li> <li>3. Luật công pháp quốc tế (30 tiết)</li> <li>4. Nhập môn về quyền con người (30 tiết)</li> <li>5. Chính trị quốc tế và quyền con người (30 tiết)</li> <li>6. Việt Nam với vấn đề quyền con người (30 tiết)</li> </ol>



*Handwritten signature*